

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020.

*“V/v yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lường Văn Hưởng**.

2. Ông: **Tòng Văn Tọt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Duy Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị D**; sinh năm: 1986.

Nơi ĐKNKTT: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;

Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Quàng Văn H**; sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Quàng Thị D: Bà **Lường Thị T**, sinh năm 1984; chức danh: Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 6 năm 2020, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Quàng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị D và anh Quàng Văn H tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 2005, không đi đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Cuộc sống chung của hai anh chị có hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là anh H nghiện chất ma túy, chị D và gia đình đã khuyên bảo anh H từ bỏ nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 9 năm 2018 chị D và anh H không còn sống chung với nhau nữa. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ thì vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Do không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với anh H, chị D đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị D với anh Quàng Văn H.

Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là: cháu Quàng Minh T1, sinh ngày: 16/9/2006; cháu Quàng Thị Lan H1, sinh ngày: 10/02/2010.

Về con chung chị D yêu cầu giải quyết như sau: Hiện 02 cháu Quàng Minh T1, Quàng Thị Lan H1 hiện đang sống cùng với chị D tại Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình giải quyết chị có nguyện vọng được nuôi cả 2 cháu T1, H1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Chị D và anh H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

* Bị đơn Quàng Văn H được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn nhất trí với đề nghị của nguyên đơn và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận nội dung của chị D trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị D và anh Quàng Văn H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Quàng Minh T1, sinh ngày 16/9/2006; cháu Quàng Thị Lan H1, sinh ngày 10/02/2010 cho chị Quàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Quàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; anh H được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

không có giá ngạch cho chị Quàng Thị D, do chị D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Quàng Thị D với anh Quàng Văn H thì được xác định là vụ án yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Quàng Thị D nộp đơn ly hôn, anh Quàng Văn H có nơi ĐKKHTT tại Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ngày 29/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Ngày 20/8/2020 Tòa án ra thông báo về việc thay đổi quan hệ pháp luật “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*” giữa nguyên đơn là chị Quàng Thị D và bị đơn anh Quàng Văn H. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt trực tiếp. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn anh Quàng Văn H không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2 đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh Quàng Văn H nhưng 02 buổi hòa giải anh H không đến tham gia hòa giải. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, xét thấy bị đơn là anh Quàng Văn H đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời không có đơn phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị Quàng Thị D và anh Quàng Văn H được xác lập vào năm 2005, việc sống chung là do hai anh chị tự nguyện; đến thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ trên lời khai của đương sự, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M thì xác định chị Quàng Thị D và anh Quàng Văn H không có đăng ký kết hôn mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, quan hệ của hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xác định yêu cầu của chị Quàng Thị D là có cơ sở để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị D và anh Quàng Văn H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Quàng Thị D cũng như nguyện vọng của cháu Quàng Minh T1, cháu Quàng Thị Lan H1 thì

thấy: Việc chị D muốn tự mình nhận nuôi cả hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Hiện nay cả hai cháu đang sống ổn định cùng mẹ từ khi chị D, anh H không còn sống chung, các cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu Quảng Minh T1, cháu Quảng Thị Lan H1 cho chị Quảng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Quảng Thị D không yêu cầu anh Quảng Văn H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Xét thấy chị Quảng Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, vì vậy HĐXX miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị D.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quảng Thị D và anh Quảng Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Quảng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Quảng Minh T1, sinh ngày: 16/9/2006; cháu Quảng Thị Lan H1, sinh ngày: 10/02/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Anh Quảng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Quảng Thị D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Quảng Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị D.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân